

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/DS - PT  
Ngày: 21 - 3 - 2025  
V/v “Tranh chấp chia thừa kế quyền  
sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Hùng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Văn Hùng

Ông Lê Thành Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Bé Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2025/QĐ - PT ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Thạch S, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

**- Bị đơn:** Ông Thạch K, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Hoàng O - Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Thạch K1, sinh năm 1962 (có mặt)

2. Bà Thạch Thị Chanh Đ, sinh năm 1987 (xin giải quyết vắng mặt)

3. Ông Thạch Hoài M, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Thạch L, sinh năm 1988 (xin giải quyết vắng mặt)

5. Ông Thạch Thanh L1, sinh năm 1995 (xin giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

6. Bà Thạch Thị T, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

7. Bà Thạch Thị Sa C, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

8. Bà Sơn Thị Sô T1, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

9. Ông Sơn G, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

10. Bà Thạch Thị Hoanh T2, sinh năm 1978 (xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

11. Ông Thạch K2, sinh năm 1972 (xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

12. Ông Thạch K3, sinh năm 1974 (xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

13. Ông Sơn Châm R, sinh năm 1962 (xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

14. Bà Thạch Thị Pha L2, sinh năm 1969 (xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

15. Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Trà Vinh - Chi nhánh S4

Địa chỉ: Số E M, khóm C, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí H, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh số 1 - Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Trà Vinh (có mặt).

16. Ngân hàng N1 - Chi nhánh số 1 Trà Vinh

Địa chỉ: Số 85, 87 Quang Trung, khóm 9, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T3, chức vụ: Giám đốc (xin giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Thạch K là bị đơn.

- *Người phiên dịch tiếng Khmer:* Ông Thạch H1, công tác tại B tỉnh Trà Vinh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Nguyên đơn ông Thạch S trình bày:* Ông bà ngoại của ông Thạch S là ông Thạch C1 (chết năm 1989) và bà Sơn Thị S1 (chết năm 2005) có 03 người con gồm: Thạch Kiên, Thạch K1 và mẹ của ông Thạch S là bà Thạch Thị X (chết năm 2001). Ông bà ngoại ông Thạch S lúc còn sống có tạo lập được tài sản là phần đất thửa số 32, tờ bản đồ số 66, diện tích 4.942,7 m<sup>2</sup> tại khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Ông bà ngoại của ông Thạch S chết không để lại di chúc cho ai. Năm 2023 Nhà nước có chủ trương mở đường có đi vào phần đất này nhưng khi bồi thường, giải phóng mặt bằng thì ông Thạch K và ông Thạch K1 tự ý đi lên phường nhận tiền bồi thường. Nay ông Thạch S yêu cầu ông Thạch K chia thừa kế theo pháp luật tài sản của ông Thạch C1, bà Sơn Thị S1 để lại là phần đất thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 66 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 366, tờ bản đồ số 1), diện tích 4.942,7 m<sup>2</sup> tại khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh sau khi trừ đi phần Nhà nước đã thu hồi và phần đất bà Thạch Thị T, bà Sơn Thị Sô T1, bà Thạch Thị Sa C, ông Sơn G đang sử dụng cho ông Thạch K, ông Thạch K1 và ông Thạch S mỗi người hưởng một phần. Đối với số tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là 64.244.253 đồng ông Thạch S yêu cầu chia cho ông Thạch S và ông Thạch K mỗi người hưởng 50%. Đối với số tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đã chi cho ông Thạch K1, bà Thạch Thị T, bà Sơn Thị Sô T1, bà Thạch Thị Sa C, ông Sơn G thì ông Thạch S không có tranh chấp. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Thạch S đồng ý cho ông Thạch K được hưởng toàn bộ số tiền bồi hoàn khi Nhà nước thu hồi đất là 64.244.253 đồng.

*Bị đơn ông Thạch K trình bày:* Cha mẹ của ông Thạch K là ông Thạch C1 và bà Sơn Thị S1 có 03 người con gồm Thạch K, T, Thạch Thị X. Mẹ của ông Thạch K có đại diện hộ đứng tên phần đất thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 66, diện tích còn lại là 4.223 m<sup>2</sup> (đã trừ lộ giới thu hồi 108 m<sup>2</sup>), loại đất trồng cây lâu năm tại khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Trên phần đất này có 07 hộ đang sử dụng ổn định từ năm 1985 đến nay gồm ông Thạch K, ông Sơn G, bà Thạch Thị Sa R1 (đã chết có con là Thạch Thị Sa C đang sử dụng), một phần nhà ông Thạch S, nhà sau của bà Thạch Thị T. Phần đất của bà Thạch Thị T và bà Sơn Thị Sô T1 có cọc ranh sử dụng ổn định từ vài chục năm qua. Đối với các yêu cầu của ông Thạch S thì ông Thạch K không đồng ý. Ông Thạch K yêu cầu được hưởng toàn bộ di sản của bà Sơn Thị S1 để lại là phần đất thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 66, diện tích còn lại là 4.223 m<sup>2</sup> (đã trừ lộ giới thu hồi 108 m<sup>2</sup>). Ông Thạch K chỉ thống nhất chia cho ông Thạch S phần đất hiện tại ông Thạch S đang sử dụng. Đối với phần đất bà Thạch Thị T, bà Sơn Thị Sô T1, bà Thạch Thị Sa C, ông Sơn G đang quản lý ông Thạch K thống nhất tách ra cho những hộ này. Đối với số tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là 64.244.253 đồng ông Thạch K yêu cầu được hưởng toàn bộ. Đối với số tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất

đã chỉ cho ông Thạch K1, bà Thạch Thị T, bà Sơn Thị Sô T1, bà Thạch Thị Sa C, ông Sơn G thì ông Thạch K không có tranh chấp.

*Theo đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch K1 trình bày:* Cha mẹ của ông Thạch K1 là ông Thạch C1 và bà Sơn Thị S1 có 03 người con gồm Thạch K, T, Thạch Thị X. Mẹ của ông Thạch K1 có đại diện hộ đứng tên phần đất thuộc thửa số 32, tờ bản đồ số 66, diện tích còn lại là 4.223 m<sup>2</sup> (đã trừ lộ giới thu hồi 108 m<sup>2</sup>). Nay ông Thạch K1 yêu cầu được hưởng thừa kế diện tích 500 m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích đất thuộc thửa số 32. Phần đất này sau khi trừ đi phần Nhà nước đã thu hồi mà ông Thạch K1 đã nhận tiền bồi thường xong thì ông Thạch K1 yêu cầu được hưởng diện tích 277,4 m<sup>2</sup>. Đối với phần đất bà Thạch Thị T, bà Sơn Thị Sô T1, bà Thạch Thị Sa C, ông Sơn G đang quản lý ông Thạch K1 thống nhất tách ra cho các cho những hộ này. Đối với số tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất còn lại là 64.244.253 đồng ông Thạch K1 không có tranh chấp.

*Theo đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị T trình bày:* Bà Thạch Thị T là cháu kêu bà Sơn Thị S1 bằng bác. Khoảng năm 1975 bà Sơn Thị S1 có cho bà Thạch Thị T một phần đất diện tích 393,3 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 32, bà Thạch Thị T đã cất nhà ở từ đó cho đến nay. Nay bà Thạch Thị T yêu cầu công nhận cho bà Thạch Thị T được hưởng phần đất có diện tích 393,3 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 32. Phần đất này sau khi trừ đi phần nhà nước thu hồi thì bà Thạch Thị T yêu cầu được hưởng theo hiện trạng đất bà Thạch Thị T đang sử dụng. Đối với số tiền Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất bà Thạch Thị T đã nhận xong nên không có tranh chấp gì. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Thạch Thị T yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích thực đo 48,5 m<sup>2</sup>.

*Theo đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sa C trình bày:* Bà Thạch Thị Sa C là con của ông Thạch C1 và bà Thạch Thị Sa R1 đồng thời là cháu kêu bà Sơn Thị S1 bằng bác. Vào năm 1975 bà Sơn Thị S1 có cho bà Thạch Thị Sa R1 phần đất có diện tích 332,4 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 32. Bà Thạch Thị Sa R1 đã cất nhà ở từ đó cho đến nay. Sau khi bà Thạch Thị Sa R1 chết thì bà Thạch Thị Sa C tiếp tục sử dụng phần đất này. Nay bà Thạch Thị Sa C yêu cầu công nhận cho bà Thạch Thị Sa C được hưởng phần đất có diện tích 332,4 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 32. Phần đất này sau khi trừ đi phần nhà nước thu hồi thì bà Thạch Thị Sa C yêu cầu được hưởng theo hiện trạng đất bà Thạch Thị Sa C đang sử dụng. Đối với số tiền nhà nước bồi thường khi thu hồi đất bà Thạch Thị Sa C đã nhận xong nên không có tranh chấp gì. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Thạch Thị Sa C yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích thực đo 63,9 m<sup>2</sup>.

*Theo đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án người có*

*quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn G trình bày:* Ông Sơn G là con của ông S2 Cu Ma đồng thời là cháu kêu bà Sơn Thị S1 bằng bác. Ông Sơn Cu M1 là con của bà Thạch Thị Sa R1 với ông Sơn C2. Vào khoảng trước năm 1975 bà Sơn Thị S1 có cho ông S2 Cu Ma phần đất có diện tích 168,5 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 32. Ông Sơn Cu M1 đã cất nhà ở từ đó cho đến nay. Sau khi ông S2 Cu Ma chết thì ông Sơn G tiếp tục sử dụng. Nay ông Sơn G yêu cầu công nhận cho ông Sơn G được hưởng phần đất có diện tích 168,5 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 32. Phần đất này sau khi trừ đi phần nhà nước thu hồi thì ông Sơn G yêu cầu được hưởng theo hiện trạng đất ông Sơn G đang sử dụng. Đối với số tiền Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất ông Sơn G đã nhận xong nên không có tranh chấp gì. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Sơn G yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích thực đo 118,7 m<sup>2</sup>.

*Theo đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị Sô T1 trình bày:* Bà Sơn Thị Sô T1 là con của bà Thạch Thị Sa R1 và ông Sơn C2 đồng thời là cháu kêu bà Sơn Thị S1 bằng bác. Vào khoảng trước năm 1975, bà Sơn Thị S1 có cho ông Sơn C2 phần đất có diện tích 382 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 32. Ông Sơn C2 đã cất nhà ở từ trước cho đến nay. Sau khi ông Sơn C2 chết thì bà Sơn Thị Sô T1 tiếp tục sử dụng. Nay bà Sơn Thị Sô T1 yêu cầu công nhận cho bà Sơn Thị Sô T1 được hưởng phần đất có diện tích 382 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất số 32. Phần đất này sau khi trừ đi phần Nhà nước thu hồi thì bà Sơn Thị Sô T1 yêu cầu được hưởng theo hiện trạng đất bà Sơn Thị Sô T1 đang sử dụng. Đối với số tiền nhà nước bồi thường khi thu hồi đất bà Sơn Thị Sô T1 đã nhận xong nên không có tranh chấp gì. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Sơn Thị Sô T1 yêu cầu được hưởng phần đất có diện tích thực đo 103,5 m<sup>2</sup>.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thạch S và toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Thạch K1 về việc chia thừa kế theo pháp luật phần đất có diện tích thực đo 3.240,3 m<sup>2</sup> thuộc thửa 366, tờ bản đồ số 1, theo tài liệu đo đạc năm 1992, loại đất cây lâu năm tại Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Chia cho ông Thạch S được hưởng phần đất có tổng diện tích 588,4 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu C, K, B1) loại đất cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Buộc ông Thạch K giao cho ông Thạch S phần đất có diện tích 440,3 m<sup>2</sup> (B1) nêu trên.

Chia cho ông Thạch K được hưởng phần đất có diện tích 2.042,6 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu B) loại đất cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Chia cho ông Thạch K1 được hưởng phần đất có diện tích 277,4 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A), loại đất cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Buộc ông Thạch K giao cho ông Thạch Kim P đất có diện 277,4 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A) nêu trên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của ông Thạch S, ông Thạch K, ông Thạch K1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị Sa C, ông Sơn G, bà Sơn Thị Sô T1 về việc công nhận cho bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị Sa C, ông Sơn G, bà Sơn Thị Sô T1 được quyền sử dụng các phần đất các đương sự đang sử dụng thuộc thửa 366, tờ bản đồ số 1, theo tài liệu đo đạc năm 1992, loại đất cây lâu năm tại Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cụ thể như sau:

Công nhận cho bà Thạch Thị T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 48,5 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu F) loại đất cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho bà Thạch Thị Sa C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 63,9 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu E) loại đất cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho ông S2 Giàu được quyền sử dụng phần đất có diện tích 118,7 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu Đ) loại đất cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận cho bà Sơn Thị Sô T1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 103,5 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu D) loại đất cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Ông Thạch S, ông Thạch K, ông Thạch K1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị Sa C, ông Sơn G, bà Sơn Thị Sô T1 có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung quyết định của bản án này.

3. Công nhận sự thỏa thuận của ông Thạch S và ông Thạch K về việc giao cho ông Thạch K được hưởng số tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh Trà Vinh với số tiền 64.244.253 đồng.

Ông Thạch K có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục nhận số tiền này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng, và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2024, bị đơn ông Thạch K kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét theo hướng ông Thạch K không đồng chia cho ông Thạch S phần diện tích 440,3m<sup>2</sup> (phần ký hiệu B1).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Thửa đất 366, khi còn sống, ý nguyện của cụ S1 là để lại cho ông Thạch K quản lý, sử dụng; vị trí phân chia của Tòa án cấp sơ thẩm chưa hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thạch K.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng: Thửa đất 366 có nguồn gốc là của cha mẹ cụ S1 cho cụ S1 và cụ C1, ông Thạch K không có công sức tạo lập nên thửa đất 366 là di sản của cụ C1 và cụ S1. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định trong diện tích 2.908,4 m<sup>2</sup> có ½ diện tích là của ông Thạch K, chỉ chia thừa kế đối với ½ diện tích 2.908,4 m<sup>2</sup> là đã có lợi cho ông Thạch K. Do đó, kháng cáo của ông Thạch K là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự không có ai yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu thừa kế nên xem như thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ Thạch C1 và cụ Sơn Thị S1 vẫn còn.

[2] Về hàng thừa kế được hưởng di sản của cụ Thạch C1 và cụ Sơn Thị S1: Các đương sự đều có lời khai thống nhất là cụ Thạch C1 (chết năm 1989) và cụ Sơn Thị S1 (chết 2005) có tất cả 03 người con gồm: Thạch Kiên, Thạch K1 và mẹ của ông Thạch S là bà Thạch Thị X (chết năm 2001). Bà Thạch Thị X có một người con là ông Thạch S. Do đó, đủ cơ sở xác định hàng thừa kế được hưởng di sản của cụ S1, cụ C1 gồm: Ông Thạch K, ông Thạch K1, ông Thạch S (*là người thừa kế thế vị di sản của cụ S1, người thừa kế chuyển tiếp di sản của cụ C1*).

[3] Về di dân thừa kế: Các đương sự thừa nhận cụ C1 và cụ S1 là vợ chồng, thửa số 366 có nguồn gốc là của cha mẹ cụ S1 cho vợ chồng cụ S1. Thửa đất 366 theo tư liệu năm 1992 do cụ Sơn Thị S1 kê khai, đăng ký diện tích 4.950m<sup>2</sup>, ngày 26/11/2002 hộ cụ Sơn Thị S1 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo tư liệu năm 1983 thuộc một phần thửa 192, diện

tích 4.500m<sup>2</sup> do cụ Thạch C1 kê khai, đăng ký và thuộc một phần thửa 191, diện tích 3.240m<sup>2</sup> do bà Kiên Thị N kê khai, đăng ký. Tư liệu năm 2004 đổi thành thửa 32, diện tích 4.834,5m<sup>2</sup> do cụ Sơn Thị S1 kê khai, đăng ký (BL 309). Theo Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 quy định: “*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*”. Theo quy định trên cho thấy thửa đất 366 là tài sản chung của cụ C1 và cụ S1 nên đây là di sản của cụ C1 và cụ S1 để lại.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Thạch K không đồng ý chia thừa kế cho ông Thạch S3 phần diện tích 440,3m<sup>2</sup> (phần ký hiệu B1), Hội đồng xét xử xét thấy: Thửa đất 32 (tư liệu 1992 là thửa 366), các bên đương sự thống nhất không tranh chấp phần diện tích đất Nhà nước thu hồi, thống nhất tách phần đất mà bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị Sa C, ông Sơn G, bà Sơn Thị Sô T1 đang sử dụng có tổng diện tích thực đo 331,9 m<sup>2</sup>, phần diện tích còn lại 2.908,4 m<sup>2</sup> mới tranh chấp chia thừa kế. Như nhận định trên [3], phần diện tích 2.908,4 m<sup>2</sup> còn lại của thửa số 32 là di sản của cụ C1, cụ S1 để lại, không phải là tài sản chung giữa cụ S1 và ông Thạch K, Tòa án cấp sơ thẩm xác định trong diện tích 2.908,4 m<sup>2</sup> có ½ diện tích là của ông Thạch K, chỉ chia thừa kế đối với ½ diện tích 2.908,4 m<sup>2</sup> là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Thạch S, ông Thạch K1; việc xác định di sản và phân chia thừa kế của Tòa án cấp sơ thẩm là có lợi cho ông Thạch K. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, ông Thạch S, ông Thạch K1 không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét lại việc xác định di sản cũng như việc phân chia thừa kế của Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, kháng cáo của ông Thạch K là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thạch K là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Thạch K.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thạch K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 105/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ các Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 652 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thạch S và toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Thạch K1 về việc chia thừa kế theo pháp luật phần đất có diện tích thực đo 3.240,3 m<sup>2</sup> thuộc thửa 366 (tư liệu 1992), tờ bản đồ số 1, loại đất cây lâu năm, tọa lạc khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Chia cho ông Thạch S được hưởng phần đất có tổng diện tích 588,4 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu C, K, B1, trong đó có 7,8 m<sup>2</sup> thuộc hành lang an toàn đường bộ), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

\* Phần (C), diện tích 101,7 m<sup>2</sup>:

- Hướng Đông giáp đường Đ, kích thước dài 2,20 m.
- Hướng Tây giáp thửa 363 (phần ký hiệu H), kích thước dài 11,34 m.
- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu B) có các đoạn: Đoạn dài 3,58 m, đoạn dài 17,22 m, đoạn dài 9,50 m, đoạn dài 4,76 m.
- Hướng Bắc giáp thửa 362, 360 có các đoạn: Đoạn dài 3,59 m, đoạn dài 7,94 m, đoạn dài 14,63 m.

\* Phần (K), diện tích 46,4 m<sup>2</sup>:

- Hướng Đông giáp thửa 363 (phần ký hiệu H), kích thước dài 11,10 m.
- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu B), kích thước dài 11,00 m.
- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu B), kích thước dài 4,24 m.

- Hướng Bắc giáp thửa 361, kích thước dài 4,16 m.

\* Phần (B1), diện tích 440,3 m<sup>2</sup>:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu B), kích thước dài 23,38 m.
- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu A), kích thước dài 20,57 m.
- Hướng Nam giáp Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh T (đường H), kích thước dài 20,10 m.

- Hướng Bắc giáp thửa 360, kích thước dài 20,20 m.

*(Có Sơ đồ khu đất kèm theo)*

Buộc ông Thạch K giao cho ông Thạch S phần đất có diện tích 440,3 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu B1) loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc khóm A, phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Chia cho ông Thạch K được hưởng phần đất có diện tích 2.042,6 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu B, trong đó 78,9 m<sup>2</sup> thuộc hành lang an toàn đường bộ), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường Đ, kích thước dài 22,31 m.
- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu B1), kích thước dài 23,38 m.
- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu F, E, D, Đ), giáp thửa 364, giáp Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh Trà Vinh (đường H có các đoạn: Đoạn dài 3,52m, đoạn dài 14,64m, đoạn dài 6,97m, đoạn dài 13,06m, đoạn dài 3,2m, đoạn dài 12,73m, đoạn dài 2,96m, đoạn dài 34,89m, đoạn dài 11,61m.
- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu C, K), giáp thửa 363, 360, 361 có các đoạn: Đoạn dài 3,58m, đoạn dài 17,22m, đoạn dài 9,5m, đoạn dài 4,76m, đoạn dài 12,4m, đoạn dài 4,24m, đoạn dài 11m, đoạn dài 6,67m, đoạn dài 48,7m.

*(Có Sơ đồ khu đất kèm theo)*

Chia cho ông Thạch K1 được hưởng phần đất có diện tích 277,4 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu B1), kích thước dài 20,57 m.
- Hướng Tây giáp thửa 359, đường đất có các đoạn: Đoạn dài 9,07m; đoạn dài 02 m, đoạn dài 11,70 m, đoạn dài 8,15 m.
- Hướng Nam giáp Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh T (đường H), kích thước dài 20,38 m.
- Hướng Bắc giáp thửa 360, kích thước 10,10 m.

*(Có Sơ đồ khu đất kèm theo)*

Buộc ông Thạch K giao cho ông Thạch Kim P đất có diện tích 277,4 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu A), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của ông Thạch S, ông Thạch K, ông Thạch K1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị Sa C, ông Sơn G, bà Sơn Thị Sô T1 về việc công

nhận cho bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị Sa C, ông Sơn G, bà Sơn Thị Sô T1 được quyền sử dụng các phần đất các đương sự đang sử dụng thuộc thửa 366, tờ bản đồ số 1, theo tài liệu đo đạc năm 1992, loại đất cây lâu năm tại Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh cụ thể như sau:

Công nhận cho bà Thạch Thị T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 48,5 m<sup>2</sup> (Phần ký hiệu F), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đường Đ dài 0,54 m.
- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu E), kích thước dài 11,28 m.

- Hướng Nam giáp thửa 365, giáp Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh Trà Vinh (đường H) có các đoạn: Đoạn dài 3,52 m, đoạn dài 11,57 m, đoạn dài 11,28 m, đoạn dài 4,31 m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu B) có các đoạn: Đoạn dài 3,52 m, đoạn dài 14,64 m.

*(Có Sơ đồ khu đất kèm theo)*

Công nhận cho bà Thạch Thị Sa C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 63,9 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu E), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu F), kích thước dài 11,28 m.

- Hướng Tây giáp thửa 364 (phần ký hiệu G), kích thước dài 10,91 m.

- Hướng Nam giáp Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh T (đường H), kích thước dài 4,63 m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu B), kích thước dài 6,97 m.

*(Có Sơ đồ khu đất kèm theo)*

Công nhận cho ông S2 Giàu được quyền sử dụng phần đất có diện tích 118,7 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu Đ), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tư liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp thửa 364 (phần ký hiệu G), kích thước dài 9,50 m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký B, D) có các đoạn: Đoạn dài 2,96 m, đoạn dài 6,03 m.

- Hướng Nam giáp Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh T (đường H), kích thước dài 12,95 m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu B), kích thước dài 12,73 m.

*(Có Sơ đồ khu đất kèm theo)*

Công nhận cho bà Sơn Thị Sô T1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 103,5 m<sup>2</sup> (phần ký hiệu D), loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 366 (tờ liệu năm 1992), tờ bản đồ số 1, tọa lạc Khóm A, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Đất có vị trí, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu Đ), kích thước dài 6,03 m.

- Hướng T4 là đỉnh của tam giác, không có kích thước.

- Hướng Nam giáp Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh T (đường H), kích thước dài 34,30 m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa 366 (phần ký hiệu B), kích thước dài 34,89 m.

*(Có Sơ đồ khu đất kèm theo)*

Ông Thạch S, ông Thạch K, ông Thạch K1, bà Thạch Thị T, bà Thạch Thị Sa C, ông Sơn G, bà Sơn Thị Sô T1 có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung quyết định của Bản án này.

3. Công nhận sự thỏa thuận của ông Thạch S và ông Thạch K về việc giao cho ông Thạch K được hưởng số tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh Trà Vinh với số tiền 64.244.253 đồng.

Ông Thạch K có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục nhận số tiền này.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Thạch K.

Hoàn trả cho ông Thạch K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông K đã nộp theo biên lai số 0000938 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND TP. Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Hùng**